

Thủy Mạt Sở Phiêu Kinh

Số 106

Đời Đông Tấn (317-420), Tỳ-Kheo Trúc Đàm Vô Lan dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán .

Ngày 10/06/2011 B.S. Trần Văn Nghĩa dịch từ chữ Hán ra chữ Việt.

Thủy Mạt Sở Phiêu Kinh

Đức Phật giảng Thủy Mạt Sở Phiêu Kinh .

Đời Đông Tấn (317 - 420), người Tây Vực, sa môn Trúc Đàm Vô Lan (1) dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Tôi nghe như vậy, có một thời, Bà-Ca-Bà (2) ở tại tư dinh A-Nghêh - Đồ (3) (do vua Ba Tư Nặc (4) xây cất) cạnh sông Hằng , cùng với hơn năm trăm đại tỳ kheo.

Lúc đó có đám bọt nước đang trôi theo dòng sông, Đức Thế Tôn thấy và bảo các Tỳ-Kheo rằng : Các Tỳ-kheo đều thấy đám bọt nước trôi theo dòng sông Hằng chứ ? Các Tỳ Kheo thưa rằng : Thưa Đức Thế Tôn có. Đức Thế Tôn bảo rằng : Những đám bọt này nếu cho người có một cặp mắt quan sát, xem xét , suy nghĩ và phân tích, những người này sau khi đã quan sát, suy nghĩ và phân tích, thì sẽ thấy đám bọt nước này không vô sở hữu, không lai, không vãng, và không kiên cố. Cũng như những bọt nước này, tất cả những sắc mà ta nhìn thấy , trong quá khứ, tương lai và hiện tại, dù to dù nhỏ, dù xa dù gần cũng không kiên cố, không có gì nương tựa cả. Nếu cho người có cặp mắt quan sát xem xét, suy nghĩ và phân tích, những người này sau khi đã xem xét, tư duy và phân tích, sẽ thấy sắc vô sở hữu, không lai không vãng , không vô sở hữu, cũng không kiên cố, những sắc uẩn (5) đâu có gì là kiên cố đâu.

Như mưa của mùa hạ tạo ra rất nhiều bong bóng nước. Những bong bóng nước này sinh sinh diệt diệt. Nếu cho người có cặp mắt quan sát xem xét, suy nghĩ và phân tích, sau khi đã xem xét , tư duy và phân tích, thì sẽ thấy những bong bóng nước này không vô sở hữu, không lai, không vãng và cũng không kiên cố. Cũng như những bong bóng nước này, những thống khổ trong chúng ta, trong tương lai, quá khứ và hiện tại, dù to dù nhỏ, dù tốt dù xấu, dù xa dù gần cũng không kiên cố vậy. Nếu cho người có một cặp mắt quan sát xem xét, suy nghĩ và

phân tích, những người này sau khi đã quan sát, suy nghĩ và phân tích, thì sẽ thấy những thống khổ trong chúng ta cũng không vô sở hữu, không lai, không vãng và không kiên cố. Cái thống uẩn (6) có cái gì là kiên cố đâu ?

Thí dụ trong những ngày mùa hè, mặt trời đang lúc giữa trưa trên trời không có tí mây, gió thổi mạnh cuốn theo những cát bụi tạo thành hình ảnh một con ngựa hoang (7) bay chạy giữa trời. Những người có một cặp mắt quan sát, xem xét, tư duy và phân tích. Sau khi đã quan sát, tư duy và phân tích, sẽ thấy là con ngựa hoang này không vô sở hữu, không lai không vãng và không kiên cố. Cũng như con ngựa hoang này, những ý tưởng của chúng ta, trong quá khứ, tương lai và hiện tại, dù to dù nhỏ, dù tốt dù xấu, dù xa dù gần cũng đâu có gì là kiên cố đâu. Những người có cặp mắt quan sát, xem xét, tư duy và phân tích, sau khi đã xem xét, tư duy và phân tích, sẽ thấy những ý tưởng của chúng ta không vô sở hữu, không lai, không vãng và không bền vững, như vậy tướng uẩn (8) đâu có gì là kiên cố đâu.

Thí dụ có người từ một thành phố hay từ một thôn quê, muốn tìm gỗ tốt để làm một dụng cụ thật kiên cố, bèn đi vào rừng để tìm gỗ tốt, thấy một cây chuối thật xanh tươi tốt đẹp, ai thấy cũng thích, cây không có cành, đốn cây xuống, xẻ ra làm ba hay bốn khúc, rồi bóc từng lớp từng lớp vỏ đi, để tìm cái lõi cứng của cây nhưng tìm không thấy, thế làm sao mong tìm được những gỗ thật cứng chắc. Những người có một cặp mắt quan sát, xem xét, tư duy và phân tích, sau khi đã quan sát, tư duy và phân tích, sẽ thấy cây chuối này không vô sở hữu, không lai, không vãng, không kiên cố. Cũng như cây chuối này, những hành động của chúng ta, trong quá khứ, tương lai và hiện tại, dù to dù nhỏ, dù tốt dù xấu, dù xa dù gần cũng không có gì là kiên cố cả. Những người có một cặp mắt quan sát, xem xét, tư duy và phân tích, sau khi đã quan sát, tư duy và phân tích, sẽ thấy những hành động của chúng ta không vô sở hữu, không lai không vãng, cũng không kiên cố. Những hành uẩn (9) không có gì là kiên cố cả.

Lại như một thầy làm ảo thuật giỏi cùng với những đệ tử làm ảo thuật trước công chúng. Những người có một cặp mắt quan sát, xem xét, tư duy và phân tích, sau khi đã quan sát, tư duy và phân tích, sẽ thấy những ảo thuật này không vô sở hữu, không lai, không vãng và không bền vững. Cũng như những ảo thuật này, tất cả những ý thức của chúng ta, trong quá khứ, tương lai và hiện tại, dù to dù nhỏ, dù tốt dù xấu, dù xa dù gần, cũng không có gì là kiên cố cả. Những người có một cặp mắt quan sát, xem xét, tư duy và phân tích, sau khi đã quan sát, tư duy và phân tích, sẽ thấy những ý thức của chúng ta không vô sở hữu, không lai không vãng và không bền vững. Cái thức uẩn (10) không có gì là kiên cố cả.

Lúc đó Đức Thế Tôn bèn nói những câu kệ sau đây : Sắc như những bọt nước tụ lại, thống khổ như những bong bóng nước mưa, ý tưởng như hình ảnh của con ngựa hoang của mùa hè, hành động trống rỗng như thân cây chuối, ý thức như những ảo thuật. Tôi thẳng trí tuệ cho biết rằng : Nếu xem xét , quan sát , tư duy và phân tích những chân lý này thì ta thấy tất cả không vô sở hữu. Nếu chúng ta có thể hiểu như vậy, xem xét chân lý này trong chúng ta, đáng đại trí dạy rằng : Hãy diệt tam pháp này đi : Trừ bỏ sản uẩn đi, trừ bỏ hành uẩn đi, trừ bỏ thầy ảo thuật với những trò giả tạo đi. Chư tỳ kheo sau khi nghe Đức Phật giảng, hoan hỉ phụng hành.

Đức Phật giảng Thủy Mạt Sở Phiêu Kinh .

1-) Trúc Đàm Vô Lan 竺曇無蘭 : Tỳ kheo là người nước Thiên Trúc, Đàm Vô Lan là tiếng phiên âm của tên tiếng Phạn là Dharmaraksa. Tên này còn dịch nghĩa là Pháp Chánh 法正. Tên có trong những sách Lịch Đại Tam Bảo Ký chương bảy 歷代三寶記七, Khai Nguyên Lục chương ba 開元錄三 và Trinh Nguyên Lục chương năm 貞元錄五. Thầy đến Nam Kinh làm dịch kinh sư có lẽ từ năm 381 đến năm 395, đời Đông Tấn. Thầy dịch rất nhiều kinh từ tiếng Phạn sang Hán văn. Hiện nay còn trong Hán tạng và Việt Tạng là 27 bài (Kinh số : 22, 42, 58, 62, 71, 86, 106, 116, 139, 143, 148, 216, 393, 494, 504, 510, 538, 741, 742, 743, 796, 1327, 1352, 1378a, 1352, 1391) .

Chữ Trúc 竺 là họ. Họ này được gán cho tất cả những ai đến từ nước Thiên Trúc 天竺, gòn gọi là Trúc thổ 竺土, hay gọi tắt là Trúc 竺, nay là nước Ấn Độ. Trước đời Tiền Tần (351-394), tất cả những người đi tu theo đạo Phật, đều bỏ họ mình theo họ của thầy, bỏ tên mình lấy một tên gọi là pháp danh do thầy đặt cho. Vì vậy những người tu theo thầy người Thiên Trúc lấy họ Trúc, người tu theo thầy nước Nguyệt Chi lấy họ Chi...Đến đời Tiền Tần, Hòa thượng Đạo An 道安 (313-385) là người đầu tiên đề nghị tất cả tỳ kheo lấy họ Thích, chữ tắt của chữ Thích Ca Sakya, họ của Đức Phật làm họ. Theo Kinh Tăng Nhất A Hàm chương 21 : Bốn sông lớn đổ vào biển, đâu còn mang tên của những sông đó nữa mà chỉ gọi là biển, cũng như thế, bốn nhóm họ lớn dòng dõi của Sát Lợi, Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ xuống tóc theo Đức Như Lai, quy y Tam Bảo, xuất gia học đạo, đâu còn họ mình nữa, mà tất cả gọi là sa môn đệ tử của Đức Thích Ca... Vì vậy các Tỳ Kheo, tất cả những ai từ bốn họ xuống tóc, lấy lòng kiên trì xuất gia học đạo, nên bỏ tên họ của mình mà gọi là đệ tử của Đức Thích Ca. (Tăng Nhất A Hàm

Kinh nhị thập nhất viết : Tứ đại hà nhập hải, diệc vô bản danh tự , dẫn danh vi hải. thử diệc như thị, hữu tứ tánh, vân hà vi tứ ? Sát lợi, bà la môn, trưởng gia, cư sĩ chủng. Ư Như Lai sở thể trừ tu pháp, tam pháp y, xuất gia học đạo, vô phục bản tính, dẫn ngôn sa môn Thích Ca đệ tử (trung lược)Thị cố chư tỳ khoe, chư hữu tứ tánh thể trừ tu pháp, dĩ tín kiến cố xuất gia học đạo giả, bỉ đương diệt bản danh tự, tự xưng Thích Ca đệ tử . 增一阿含經二十一曰 : " 四大河入海, 亦無本名字, 但名為海, 此亦如是. 有四姓, 云何為四? 刹利, 婆羅門, 長者, 居士種。 於如來所剃除鬚髮, 三法衣, 出家學道, 無復本性, 但言沙門釋迦弟子. (中略) 是故諸比丘, 諸有四姓剃除鬚髮, 以信堅固出家學道者, 彼當滅本名字自稱釋迦弟子.)

2-) Bà Ca Bà 婆迦婆 Tên tiếng Phạm là Bhargava, người của vương quốc Vidarbha 维达婆国 ở miền trung Ấn Độ, là một trong những đệ tử của Maharishi Bhrigu, một trong bảy vị thánh nhân của đạo Ấn Độ. Ông là một trong sáu người đưa ra những câu hỏi và tìm câu trả lời về triết lý của đạo Ấn Độ với bậc thánh nhân Pippalada trong sách Lục Vấn Áo Nghĩa Thư 六问奥义书 Prashna Upanishad. Sách này trở thành một phần của kinh điển của đạo Ấn Độ. Trong sáu câu hỏi đó, ông đưa ra câu hỏi thứ hai.

3-) A Nghênh Đồ 阿迎闍 : Theo như chú thích trong kinh thì đây là tên của một dinh thự của vua Ba Tư Nặc 波斯匿王 Pāsenādi, xây dựng trên bờ sông Hằng (Ganges)

4-) Vua Ba Tư Nặc 波斯匿王, tên phiên âm của tên tiếng Phạm Pāsenādi. Vua của nước Kosala với thủ đô là thành Xá Vệ. Ông là đệ tử của Đức Phật. Ông đã đài thọ xây một phần của tịnh xá Jetavana. Ông cũng giúp xây tịnh xá cho đạo Jainism, một giáo phái của đạo Ấn Độ. Vì vậy chúng ta không ngạc nhiên thấy Bhargava và Đức Phật đều có mặt ở dinh thự của ông trong bài kinh này. Ông được nhắc đến nhiều lần trong hơn 20 bài kinh của Đức Phật. Tên của ông đã được dịch nghĩa qua Hán văn dưới nhiều dạng trong những kinh điển khác nhau : Hòa Duyệt vương 和悅王, Nguyệt Quang vương 月光王, Thắng Quân vương 勝軍王, Thắng Quang vương 勝光王, còn tên phiên âm Bát La Tê Na Thời Đa 鉢邏犀那時多 từ tên tiếng Phạm Prasenajit của ông. Trong một dịp ông ra khỏi thành Xá Vệ, thủ tướng của ông là Digha Chrayana đảo chánh và đưa con của ông là Vidudabha lên ngai, ông chạy qua nước lân cận là Magadha cầu cứu, khi đến ngoại thành Vương Xá, ông bị bệnh tiêu chảy và mất. Vua Vidudabha sau này đã đem quân đánh và xâm chiếm tiểu vương quốc của dòng họ Shakyas, vương quốc của gia đình đức Phật, tàn sát tất cả dòng họ này. Khi tin này đến với Đức Phật ngài cúi đầu, thờ

dài. Theo truyền thuyết sử di Vidudabha đánh vương quốc Shakyas là vì bà cố ngoại của ông là Nagamunda, là một nô lệ của dòng họ Shakyas, bà ngoại của ông là Mahanama và mẹ của ông Vasvakhattiya là giới nô tỳ ở vương quốc Shakyas. Mẹ của ông được Đức Phật giới thiệu cho vua Pasenadi và trở thành vợ thứ hai của nhà vua, vì vậy ông hận vương quốc Shakyas. Theo truyền thuyết sau khi đánh chiếm vương quốc Shakyas ít lâu, vua Vidudabha bị bạo bệnh hay tai nạn và mất, ít lâu sau nước Kosala cũng bị nước bên cạnh là Magadha tiêu diệt.

5-) Sắc uẩn色蘊 : Là một trong ngũ uẩn. Chữ uẩn tiếng Phạn là Skandha nghĩa tích tụ, vì vậy được dịch sang Hán văn là uẩn, uẩn là chữ tắt của chữ uẩn tàng蘊藏 nghĩa là tích tụ và tàng trữ. Thời nhà Hán thì dịch là ngũ âm五陰, chính trong bài kinh này dùng chữ sắc âm. Âm theo quan niệm của Đạo giáo có nghĩa là tàng trữ, nên thường dùng Dương diệu âm tàng阳曜陰藏. Đại Thừa Nghĩa chương 8 viết : tích tụ gọi là âm. (Đại Thừa Nghĩa chương 8 bản viết : Tích tụ danh âm. 陰大乘義章八本曰 : " 積聚名陰..."). Đến đời nhà Tấn, một số kinh lại dịch là ngũ chúng五衆. Đến đời nhà Đường thì thống nhất dịch là ngũ uẩn. Đôi khi lại dịch là ngũ tắc kiện đà 五塞犍陀 là tiếng phiên âm của chữ Phạn Skandha.

Sự tạo thành của sắc uẩn : Tất cả những gì chúng ta nhìn thấy gọi là sắc trần, mắt của chúng ta gọi là nhãn căn, đây là căn cứ địa để tiếp nhận những hình ảnh từ bên ngoài vào, hình ảnh này sau đó được đưa vào trong óc, tạo thành một hình ảnh trong óc gọi là nhãn thức. Tâm thức (mind) của chúng ta sẽ dùng cái hình ảnh này để làm những việc cần thiết hay hoàn toàn không dùng hình ảnh này, sau đó hình ảnh này được cất đi vào kho dự trữ gọi là sắc uẩn, kho này nằm trong A-lại da thức alayavijnana của chúng ta.

6-) Thống uẩn痛陰 : Trong bài kinh Hán văn viết là thống âm. Thí dụ bong bóng nước mưa và thống uẩn còn thấy trong bài kinh số 105 Ngũ Uẩn Thí Dụ Kinh五陰譬喻經. Trong tự điển không có chữ thống uẩn. Điện tử Phật Giáo Từ Điển 電子佛教辭典 của Nhật thì giải thích thí dụ bong bóng nước mưa là thọ uẩn受蘊vedana Skandha. Thọ uẩn là những cảm giác do tai, mắt, mũi, thiệt, xúc giác, ý niệm đưa đến. Có ba loại cảm giác : Lạc thọ乐受cảm giác vui vẻ, khổ thọ苦受cảm giác đau buồn, xả thọ捨受cảm giác không vui không buồn. Mỗi một loại cảm giác này lại chia làm hai loại : 1-) hữu vật nhiễm有物染 : Cảm giác liên quan đến thể xác. 2-) vô vật nhiễm无物染 : Cảm giác liên quan đến tinh thần. Như vậy là có sáu loại thọ uẩn. Từ những cảm giác này đưa đến thương, ghét, oán hận....

7-) Ngựa hoang 野馬 : Trong kinh viết là dã mã sí thịnh 野馬熾盛 nghĩa là ngựa đại gió to. Theo Tư Tri ký bài Thích Sư Tư Thiên : Ngựa hoang, theo phái Thiên Đài giảng là : gió thổi cát bụi ngoài chỗ khoang đã tạo thành hình ảnh con ngựa hoang, Trang Tử nói rằng : Đó là cát bụi (Tư Tri ký, Thích Sư Tư Thiên : Dã mã, Thiên Đài vân, phong động trần cổ, khoang đã trung như dã mã, Trang Tử vân, Trần ai dã 資持記·釋師資篇 : 野馬, 天台云, 風動塵故, 曠野中如野馬. 莊子云 : 塵埃也). Vì vậy dã mã sí thịnh đã dịch là gió to cuốn cát bụi tạo thành hình ảnh một con ngựa hoang bay chạy giữa trời. Hình ảnh này cũng rất giống như hình ảnh : " bức tranh vân cầu vẽ người tang thương " (Cung Oán Ngâm Khúc) trong thơ văn thường dùng : Mây trên trời tụ lại thành hình con chó có đó và biến mất liền.

8-) Tưởng uẩn 想蘊 : Tiếng Phạn là sanna skandha (Anh văn là perception , chúng tôi xin tạm dịch là nhận thức). Con người thông thường có những nhận thức . Có sáu loại nhận thức : Sắc tưởng 色想, thanh tưởng 聲想, hương tưởng 香想, vị tưởng 味想, sở xúc tưởng 所觸想, pháp tưởng 法想.

9-) Hành Uẩn 行蘊 : Tiếng Phạn là samskara skandha. Tất cả những hoạt động và động tác của thân, khẩu, ý đều tạo thành hành uẩn. Cũng được chia làm sáu loại. Tên của 6 hành uẩn không tìm thấy trong Hán văn. Tên Anh văn là : 1-) meritorious formation, 2-) demeritorious formation, 3-) imperturbable formation hành uẩn này chỉ dành riêng cho những bậc tiên, thiên nhân...không phải cho con người. 4-) mental formation. 5-) Verbal formation. 6-) bodily formation. (Tham khảo ý kiến với B.S. Nguyễn Trân Hàn)

10) Thức Uẩn : Tiếng Phạn là vinnana skandha. Lục căn mỗi căn tạo ra một thức đó là : 1-) Nhãn thức, 2-) nhĩ thức, 3-) tị thức, 4-) thiệt thức, 5-) thân thức do xúc giác tạo ra, 6-) Ý thức, còn gọi là a-lê-da-thức 阿梨耶識 phiên âm từ tiếng Phạn manovijnana, do ý căn 意根 đưa đến. Ý căn trong tiếng Phạn gọi là Hrd hay Hridaya, nghĩa là trái tim bằng thịt, vì vậy Hán văn đã dịch nghĩa là Nhục đoàn tâm 肉團心, hay phiên âm là hãn-tê-thái 汗栗太, đây là một sự hiểu lầm của người xưa cho là trái tim là nơi tiếp nhận những ý tưởng từ bên ngoài vào hay từ trong sinh ra, nay chúng ta biết nơi tiếp nhận những ý tưởng đó là khối óc chứ không phải là trái tim, vì vậy mặc dù trong các kinh gọi là tim, chúng ta phải hiểu là hệ thần kinh. 7-) mạn na thức 末那識 : Tiếng Phạn là mana vijnana, tiếng Anh là manas conscious, 8-) A lại da thức 阿賴耶識 tiếng Phạn là alaya vijnana.

No. 106 (No. 99(265), No. 105)
No. 106 (No. 99(265), No. 105)

佛說水沫所漂經
Phật thuyết thủy bọt sở phiêu Kinh
Đức Phật giảng Thủy Bọt Sở Phiêu Kinh .

東晉西域沙門竺曇無蘭譯
Đông Tấn Tây Vực Sa Môn Trúc Đàm Vô Lan dịch
Đời Đông Tấn (317 - 420), người Tây Vực, sa môn Trúc Đàm Vô Lan (1) dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán.

聞如是。
Văn như thị 。
Tôi nghe như vậy,

一時婆伽婆在阿迎闍(波斯匿王所造觀也)恒水側。與大比丘眾五百人俱。
nhất thời Bà-Ca-Bà tại a nghênh xà/đô (Ba tư nặc Vương sở tạo quán dã)hằng thủy
trắc 。 dữ Đại Tỳ-kheo chúng ngũ bách nhân câu 。
Có một thời, Bà-Ca-Bà (2) ở tại tư dinh A-Nghênh -Đô (3) (do vua Ba Tư Nặc (4) xây cất)
cạnh sông Hằng , cùng với hơn năm trăm đại tỳ kheo,

時有大聚沫為水所漂。世尊見已告諸比丘。
thời hữu Đại tụ bọt vi/vi/vi thủy sở phiêu 。 Thế Tôn kiến dĩ cáo chư Tỳ-kheo 。
Lúc đó có đám bọt nước đang trôi theo dòng sông, Đức Thế Tôn thấy và bảo các Tỳ-Kheo
rằng :

汝等頗見此沫聚為恒水所漂不。諸比丘對曰。如是世尊。
nhữ đẳng phả kiến thử bọt tụ vi/vi/vi hằng thủy sở phiêu bất 。 chư Tỳ-kheo đối
viết 。 như thị Thế Tôn 。
Các Tỳ-kheo đều thấy đám bọt nước trôi theo dòng sông Hằng chứ ? " Các Tỳ Kheo thưa rằng
: Thưa Đức Thế Tôn có "

世尊告曰。此沫聚若有目士。諦觀察之思惟分別。
Thế Tôn cáo viết 。 thử bọt tụ nhược hữu mục sĩ 。 để quan sát chi tư tánh phân biệt 。
Đức Thế Tôn bảo rằng : Nhưng đám bọt này nếu cho người có cặp mắt quan sát, xem xét , suy
nghĩ và phân tích,

彼人見已諦觀察之思惟分別。

bỉ nhân kiến dĩ đế quan sát chi tư tánh phân biệt 。
những người này sau khi đã quan sát, suy nghĩ và phân tích,

空無所有無來無往亦不堅固。此水聚沫何可依怙。

không vô sở hữu vô lai vô vãng diệt bất kiên cố 。 thử thủy tụ mạn hà khả y hỷ 。
thì sẽ thấy đám bọt nước này không vô sở hữu, không lai, không vãng và không kiên cố. Cũng
như những bọt nước này,

如是諸所有色。過去當來現在。

như thị chư sở hữu sắc 。 quá khứ đương lai hiện tại 。
tất cả những sắc mà ta nhìn thấy, trong quá khứ, tương lai và hiện tại,

若僂若細若遠若近。彼有目士諦觀察之思惟分別。

nhược/nhã thô nhược/nhã tế nhược/nhã viễn nhược/nhã cận 。 bỉ hữu mục sĩ đế quan
sát chi tư tánh phân biệt 。

dù to dù nhỏ, dù xa dù gần cũng không kiên cố, không có gì nương tựa cả. Nếu cho người có
cặp mắt quan sát xem xét, suy nghĩ và phân tích

彼人見已諦觀察之思惟分別。空無所有無來無往。

bỉ nhân kiến dĩ đế quan sát chi tư tánh phân biệt 。 không vô sở hữu vô lai vô vãng 。
những người này sau khi đã xem xét , tư duy và phân tích, sẽ thấy sắc vô sở hữu, không lai,
không vãng

空無所有亦不堅固。此色陰有何堅固。

không vô sở hữu diệt bất kiên cố 。 thử sắc uẩn hữu hà kiên cố 。
không vô sở hữu, cũng không kiên cố. Những sắc uẩn (5) đâu có gì là kiên cố đâu.

譬如夏雨有泡現。或有生者。或有滅者。

thí như hạ vũ hữu phao hiện 。 hoặc hữu sanh giả 。 hoặc hữu diệt giả 。

Như mưa của mùa hạ tạo ra rất nhiều bong bóng nước, những bong bóng nước này sinh sinh
diệt diệt,

彼有目士諦觀察之思惟分別。

bỉ hữu mục sĩ đế quan sát chi tư tánh phân biệt 。

Nếu cho người có cặp mắt quan sát xem xét, suy nghĩ và phân tích

彼人已見諦觀察之思惟分別。空無所有。無來無往。亦不堅固。

bỉ nhân dĩ kiến đế quan sát chi tư tánh phân biệt 。 không vô sở hữu 。 vô lai vô vãng
。 diệt bất kiên cố 。

sau khi đã xem xét , tư duy và phân tích, thì sẽ thấy những bong bóng nước này không vô sở
hữu, không lai không vãng và cũng không kiên cố.

猶如此水沫有何堅固。如是此身中痛。

do như thử thủy mặt hữu hà kiên cố。 như thị thử thân trung thống 。

Cũng như những bong bóng nước này, những thống khổ trong chúng ta

當來過去現在。若龜若細若好若醜若遠若近。
đương lai quá khứ hiện tại。 nhược/nhã thô nhược/nhã tế nhược/nhã hảo nhược/nhã xú
nhược/nhã viễn nhược/nhã cận 。

trong tương lai, quá khứ và hiện tại, dù to dù nhỏ, dù tốt dù xấu, dù xa dù gần cũng không kiên cố vậy

彼有目士諦觀察之思惟分別。
bỉ hữu mục sĩ đế quan sát chi tư tánh phân biệt 。

Nếu cho người có một cặp mắt quan sát xem xét, suy nghĩ và phân tích

彼已觀察思惟分別。覺知空無所有無來無往亦不堅固。
bỉ dĩ quan sát tư tánh phân biệt。 giác tri không vô sở hữu vô lai vô vãng diệt bất kiên cố 。

những người này sau khi đã quan sát, suy nghĩ và phân tích, thì sẽ thấy những thống khổ trong chúng ta cũng không vô sở hữu, không lai, không vãng và không kiên cố.

此痛陰中有何堅固。譬若夏後日日正中。
thử thống uẩn trung hữu hà kiên cố。 thí nhược/nhã hạ hậu nhật nhật chánh trung 。

Cái thống uẩn (6) có cái gì là kiên cố đâu? Thí dụ trong những ngày mùa hè, mặt trời đang lúc giữa trưa

無有雲暄野馬熾盛。
vô hữu vân ê dã mã sí thịnh 。

trên trời không có tí mây, gió thổi mạnh cuốn theo những cát bụi tạo thành hình ảnh một con ngựa hoang (7) bay chạy giữa trời,

彼有目士而觀察之思惟分別。彼已觀察思惟分別。
bỉ hữu mục sĩ nhi quan sát chi tư tánh phân biệt。 bỉ dĩ quan sát tư tánh phân biệt 。

Những người có một cặp mắt quan sát, xem xét, tư duy và phân tích, sau khi đã quan sát, tư duy và phân tích,

則覺知空無所有無來無往亦不堅固。此野馬有何堅固。
tức giác tri không vô sở hữu vô lai vô vãng diệt bất kiên cố。 thử dã mã hữu hà kiên cố 。

sẽ thấy là con ngựa hoang này không vô sở hữu, không lai, không vãng và không kiên cố. Cũng như con ngựa hoang này,

如是諸所有想。過去當來現在。
như thị chư sở hữu tưởng 。

quá khứ đương lai hiện tại 。

những ý tưởng của chúng ta, trong quá khứ, tương lai và hiện tại.

若麤若細若好若醜若遠若近。彼有目士而觀察之思惟分別。
nhược/nhã thô nhược/nhã tế nhược/nhã hảo nhược/nhã xú nhược/nhã viễn nhược/nhã
cận 。 bì hữu mục sĩ nhi quan sát chi tư tánh phân biệt 。
dù to dù nhỏ, dù tốt dù xấu, dù xa dù gần, đâu có gì là kiên cố đâu. Những người có cặp mắt
quan sát, xem xét, tư duy và phân tích,

彼已觀察思惟分別。

bì dĩ quan sát tư tánh phân biệt 。
sau khi đã xem xét, tư duy và phân tích

空無所有無來無往亦無堅固。此想陰中有何堅固。

không vô sở hữu vô lai vô vãng diệt vô kiên cố 。 thử tưởng uẩn trung hữu hà kiên cố
。

sẽ thấy những ý tưởng của chúng ta không vô sở hữu, không lai, không vãng và không bền
vững, như vậy tưởng uẩn (8) đâu có gì là kiên cố đâu.

譬如有人從城郭村落出。求堅固彼器。便往大叢樹中。

thí như hữu nhân tùng thành quách thôn lạc xuất 。 cầu kiên cố bì khí 。 tiện vãng
Đại tùng thụ trung 。

thí dụ có người từ một thành phố hay từ một thôn quê, muốn tìm gỗ tốt để làm một dụng cụ thật
kiên cố, bèn đi vào rừng để tìm gỗ tốt,

若見芭蕉樹生茂盛好。人見者歡喜。

nhược/nhã kiến ba tiêu thụ/thọ sanh mậu thịnh hảo 。 nhân kiến giả hoan hỉ 。

thấy một cây chuối thật xanh tươi tốt đẹp, ai thấy cũng thích,

獨生無枝葉。若斷其根作三四段。在處皮處皮剝。

độc sanh vô chi diệp 。 nhược/nhã đoạn kỳ căn tác tam tứ đoạn 。 tại xú/xử bì xú/xử
bì bác

。

cây không có cành , đốn cây xuống, xẻ ra làm ba hay bốn khúc, rồi bóc từng lớp từng lớp vỏ đi,

却欲求實不可得。況欲得堅固。

khước dục cầu thật bất khả đắc 。 huống dục đắc kiên cố 。

để tìm cái lõi cứng của cây nhưng tìm không thấy, thế làm sao mong tìm được những gỗ thật
cứng.

彼有目士諦觀察思惟分別。彼已觀察思惟分別。

bì hữu mục sĩ đế quan sát tư tánh phân biệt 。 bì dĩ quan sát tư tánh phân biệt 。

Những người có một cặp mắt quan sát, xem xét , tư duy và phân tích, sau khi đã quan sát, tư duy
và phân tích,

空無所有無來無往亦不堅固。此芭蕉樹有何堅固。

không vô sở hữu vô lai vô vãng diệt bất kiên cố 。 thử ba tiêu thụ/thọ hữu hà kiên cố 。
sẽ thấy cây chuối này không vô sở hữu, không lai, không vãng, không kiên cố. Cũng như cây
chuối này ,

如是諸所有行。過去當來現在。

như thị chư sở hữu hạnh/hành/hàng 。 quá khứ đương lai hiện tại 。
những hành động của chúng ta, trong quá khứ, tương lai và hiện tại.

若僂若細若好若醜若遠若近。彼有目士而觀察之思惟分別。

nhược/nhã thô nhược/nhã tế nhược/nhã hảo nhược/nhã xú nhược/nhã viễn nhược/nhã
cận 。 bi hữu mục sĩ nhi quan sát chi tư tánh phân biệt 。

dù to dù nhỏ, dù tốt dù xấu, dù xa dù gần, cũng không có gì là kiên cố cả. Những người có
một cặp mắt quan sát, xem xét kỹ , tư duy và phân tích,

彼已觀察思惟分別。

bi dĩ quan sát tư tánh phân biệt 。

sau khi đã quan sát, tư duy và phân tích,

覺知空無所有無來無往亦不堅固。此行陰有何堅固。

giác tri không vô sở hữu vô lai vô vãng diệt bất kiên cố 。 thử hạnh/hành/hàng uẩn hữu
hà kiên cố 。

sẽ thấy những hành động của chúng ta không vô sở hữu, không lai, không vãng, cũng không
kiên cố, Những hành uẩn (9) không có gì là kiên cố.

譬如黠慧幻師及幻師弟子在眾人前自現幻術。

thí như hiệt tuệ huyễn sư cập huyễn sư đệ-tử tại chúng nhân tiền tự hiện huyễn thuật
。

Lại như một thầy làm ảo thuật giỏi cùng với những đệ tử làm ảo thuật trước công chúng.

若有目士諦觀察思惟分別。彼已觀察思惟分別。

nhược hữu mục sĩ đế quan sát tư tánh phân biệt 。 bi dĩ quan sát tư tánh phân biệt 。

những người có một cặp mắt quan sát, xem xét , tư duy và phân tích, sau khi đã quan sát, tư
duy và phân tích,

空無所有無來無往亦不堅固。

không vô sở hữu vô lai vô vãng diệt bất kiên cố 。

sẽ thấy những ảo thuật này không vô sở hữu, không lai, không vãng và không bền vững.

此幻術有何堅固。如是諸所有識。過去當來現在。

thử huyễn thuật hữu hà kiên cố 。 như thị chư sở hữu thức 。 quá khứ đương lai hiện tại 。

Cũng như những ảo thuật này, tất cả những ý thức của chúng ta, trong quá khứ, tương lai và
hiện tại.

若僂若細若好若醜若遠若近。

nhược/nhã thô nhược/nhã tế nhược/nhã hảo nhược/nhã xú nhược/nhã viễn nhược/nhã cận 。

dù to dù nhỏ, dù tốt dù xấu, dù xa dù gần, cũng không có gì là kiên cố cả.

彼有目士而諦觀察思惟分別。彼已觀察思惟分別。

bỉ hữu mục sĩ nhi đế quan sát tư tánh phân biệt 。

Những người có một cặp mắt quan sát, xem xét, tư duy và phân tích, sau khi đã quan sát, tư duy và phân tích,

空無所有無來無往亦不堅固。此識陰有何堅固。

không vô sở hữu vô lai vô vãng diệt bất kiên cố 。

爾時世尊便說偈言。

nhĩ thời Thế Tôn tiện thuyết kệ ngôn 。

Lúc đó Đức Thế Tôn bèn nói những câu kệ sau đây :

色如彼聚沫 痛如彼水泡

sắc như bỉ tụ bọt thống như bỉ thủy phao

Sắc như những bọt nước tụ lại, thống khổ như những bong bóng nước mưa,

想如夏野馬 行如芭蕉樹

tưởng như hạ dã mã hạnh/hành/hàng như ba tiêu thụ/thộ

ý tưởng cũng như hình ảnh của con ngựa hoang của mùa hè, hành động trống bọng như thân cây chuối

識如彼幻術 最勝之所說

thức như bỉ huyền thuật tối thắng chi sở thuyết

ý thức như những ảo thuật, tối thắng trí tuệ cho biết rằng :

若能諦觀察 思惟而分別

nhược/nhã năng đế quan sát tư tánh nhi phân biệt

Nếu xem xét, quan sát, tư duy và phân tích những chân lý này thì ta thấy

空亦無所有 若能作是觀

không diệt vô sở hữu nhược/nhã năng tác thị quán

tất cả không vô sở hữu. Nếu chúng ta có thể hiểu như vậy,

諦察此身中 大智之所說

đế sát thử thân trung đại trí chi sở thuyết

xem xét chân lý này trong chúng ta, đáng đại trí dạy rằng :

當滅此三法 能捨除去色

đương diệt thử tam Pháp năng xả trừ khứ sắc

hãy diệt tam pháp này đi, trừ bỏ sắc uẩn đi

此行亦如是 幻師不真術

thử hạnh/hành/hàng diệt như thị huyễn sư bất chân thuật
trừ bỏ hành uẩn đi, trừ bỏ thầy ảo thuật với những trò giả tạo đi.

爾時諸比丘聞佛所說。歡喜奉行。

nhĩ thời chư Tỷ-kheo văn Phật sở thuyết 。 hoan hỷ phụng hành 。
Chư tỷ kheo sau khi nghe Đức Phật giảng, hoan hỷ phụng hành.

佛說水沫所漂經

Phật thuyết thủy mạt sở phiêu Kinh

Đức Phật giảng Thủy Mạt Sở Phiêu Kinh .

B. S. Trần Văn Nghĩa dịch Việt văn.

Ngày 10/06/2011.

Blairsville, PA USA.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm Wed Oct 1 14:56:16 2008
